

Chương trình đào tạo cử nhân y tế công cộng: Nhận định của cựu sinh viên hai trường Đại học Y Dược tại Việt Nam

Nguyễn Thanh Hà, Bùi Thò Tuệ Quyên,
Bùi Thò Thanh Mai, Lê Côi Linh

Nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, Trường Đại học Y tế Công cộng (ĐH YTCC) đã tiến hành rà soát lại chương trình đào tạo và học hỏi từ các cơ sở đã có sinh viên tốt nghiệp cử nhân Y tế công cộng. Một nghiên cứu cắt ngang, kết hợp giữa định lượng và định tính được thực hiện năm 2006 tại khoa Y tế công cộng của Trường Đại học Y Hà Nội (ĐHYHN) và Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh (ĐHYD TPHCM) nhằm tìm hiểu những nhận định về chương trình đào tạo, mô tả kiến thức, năng lực y tế công cộng và xác định những khó khăn trong công việc hiện tại của cựu sinh viên. Kết quả cho thấy, rất nhiều cựu sinh viên không có định hướng rõ ràng trước khi dự thi vào khoa YTCC cũng như lựa chọn công việc sau khi tốt nghiệp. Mức độ hài lòng về chương trình đào tạo, về cơ sở vật chất của cựu sinh viên ĐHYD TPHCM thấp hơn so với cựu sinh viên ĐHYHN. Chương trình đào tạo được đánh giá là nặng về lý thuyết, ít thực hành và còn thiếu cân đối giữa các môn học. Rất nhiều cựu sinh viên cảm thấy không đủ khả năng đáp ứng yêu cầu công việc hiện tại. Khuyến nghị từ kết quả nghiên cứu là một mặt rà soát chương trình đào tạo, mặt khác tiến hành tiếp thị xã hội về chương trình cử nhân YTCC cho các nhà quản lý cũng như cộng đồng và định hướng cho cử nhân YTCC về chức năng và những năng lực cần thiết để giúp họ tìm kiếm việc làm thích hợp.

Từ khóa: Cựu sinh viên, chương trình đào tạo, cử nhân y tế công cộng, kiến thức và năng lực y tế công cộng.

To improve training quality, Ha Noi School of Public Health (HSPH) has reviewed its training programs as well as learnt experience from other universities having public health graduates. A cross-sectional study combining quantitative and qualitative methods was conducted from April to August, 2006 at Faculty of Public Health of Ha Noi Medical University and HoChiMinh University of Medicine and Pharmacy. The study is aimed at exploring public health alumni's perspectives on their public health training program, their attitudes toward the applicability of acquired knowledge and competencies and identifying challenges in their current work. The results show that many public health alumni did not have a clear career orientation upon entering public health school as well as on looking for jobs. The level of satisfaction with training program and logistics among alumnis of Ha Noi Medical University is higher than that among alumnis of HoChiMinh University of Medicine and Pharmacy. The training programs were found too much theoretical, not enough practical and imbalanced in terms of program design. Several alumnis felt that they were not competent enough to meet the requirements of their current work. Recommendations are that on one hand, the training program should be reviewed and revised, and on the other hand, social marketing campaigns should be conducted so that managers at all levels as well as the community are aware of bachelor of public health program. In addition, bachelor of public health should have a good career orientation, which means that they have to know well about their functions and have necessary competencies for finding right jobs.

Key words: Alumni, Training program, Bachelor of Public Health, knowledge and competency of public health.

1. Đặt vấn đề

Từ khi được phép đào tạo cử nhân y tế công cộng, trường Đại học Y Hà Nội (ĐHYHN) và Đại học Y Dược TP. Hồ Chí Minh (ĐHYD TPHCM) là hai trường Đại học Y Dược đầu tiên trong cả nước đào tạo loại hình này. Trường Đại học Y tế Công cộng (ĐH YTCC) cũng là một trong những cơ sở tiếp theo đào tạo cử nhân YTCC. Trường hiện đang thực hiện việc nâng cao chất lượng đào tạo thông qua tiến hành rà soát lại chương trình đào tạo cũng như học hỏi về chương trình đào tạo, về sự phát triển nghề nghiệp của các cựu học viên từ các cơ sở đào tạo đã có sinh viên tốt nghiệp. Chính vì vậy chúng tôi đã tiến hành nghiên cứu nhằm: 1) Mô tả những nhận định chung về chương trình đào tạo của các cựu sinh viên Y tế Công cộng đã tốt nghiệp khoa YTCC của hai trường ĐHYHN và ĐHYD TPHCM; 2) Mô tả kiến thức được cung cấp từ chương trình đào tạo và năng lực YTCC của cựu sinh viên; 3) Xác định những khó khăn thách thức trong công việc hiện tại. Trên hết, ĐHYHN mong muốn phát triển mạng lưới cựu học viên cũng như sinh viên YTCC vì mục đích phát triển hệ thống YTCC ở Việt Nam sau này.

2. Phương pháp nghiên cứu

2.1. Đối tượng nghiên cứu

Tất cả các cựu sinh viên cử nhân YTCC của khoa Y tế công cộng Trường ĐHYHN và ĐHYD TPHCM (từ khóa 1 đến khóa 3) (164 người)

2.2. Địa điểm và thời gian nghiên cứu

Nghiên cứu được triển khai tại ĐHYHN, ĐHYD TP HCM. Quá trình thiết kế nghiên cứu và thu thập số liệu kéo dài từ tháng 4 đến tháng 7 năm 2006.

2.3. Thiết kế nghiên cứu

Sử dụng nghiên cứu định lượng (mô tả cắt ngang) kết hợp với nghiên cứu định tính

Nghiên cứu định lượng: Điều tra cựu sinh viên thông qua bộ phiếu phát vấn tự điền: Nhóm nghiên cứu thu thập các thông tin cập nhật nhất về địa chỉ liên lạc do Bộ phận Quản lý sinh viên của hai trường cung cấp. Các bộ phiếu tự điền được chuyển tới những cựu sinh viên thông qua dịch vụ thư chuyển phát nhanh (EMS) kèm theo phong bì dán sẵn địa chỉ trường ĐHYHN. Sau khi sinh viên điền phiếu, họ chỉ cần gửi vào hòm thư bưu điện nơi gần nhất. Với các cựu sinh viên đang làm việc, học tập

ở nước ngoài, mọi thông tin liên lạc qua hình thức thư điện tử, các thông báo và nội dung nghiên cứu cũng được trình bày trên trang web của Phòng Đào tạo Sau đại học ĐHYHN cho các đối tượng này tham khảo.

Nghiên cứu định tính: Tổ chức các cuộc hội thảo với các đối tượng sinh viên nói trên. Kỹ thuật phỏng vấn nhóm, xếp hạng ưu tiên được sử dụng để thu thập thông tin trong các buổi hội thảo này.

2. 4. Cỡ mẫu và chọn mẫu

Nghiên cứu định lượng: Chọn toàn bộ 164 cựu sinh viên của hai trường tham gia trả lời bộ câu hỏi phát vấn. Khoa YTCC trường ĐHYHN đã có 3 khóa tốt nghiệp (63 sinh viên), trường ĐHYDTPHCM cũng đã có 3 khóa tốt nghiệp (101 sinh viên). Trên thực tế, tổng cộng chỉ có 80 cựu sinh viên gửi phiếu trả lời.

Nghiên cứu định tính: Tổ chức 2 hội thảo tại hai trường, mỗi hội thảo có 24 cựu sinh viên tham gia, là những người hiện đang làm việc tại cơ quan nhà nước, và các tổ chức phi chính phủ trong nước và quốc tế.

2. 5. Quản lý, phân tích số liệu

Số liệu được làm sạch và quản lý trên hệ cơ sở dữ liệu Microsoft Access 2003. Số liệu định lượng được mã hóa và phân tích, sử dụng phần mềm SPSS phiên bản 12.0 với các phương pháp phân tích thống kê mô tả và phân tích hai biến. Số liệu định tính được ghi bằng, rải bằng, mã hóa và phân tích theo chủ đề. Kết quả thảo luận và phỏng vấn nhóm được phân tích dựa trên danh sách các chủ đề thảo luận và thứ tự ưu tiên (*xem phần nội dung nghiên cứu*).

3. Kết quả

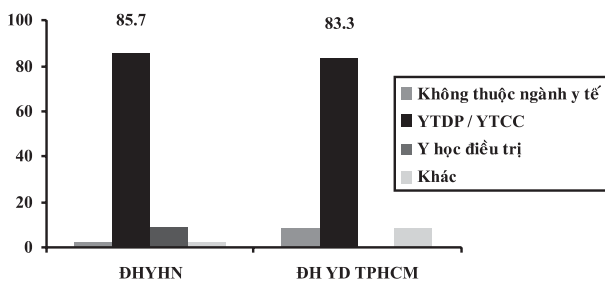
Tính tới thời điểm tiến hành nghiên cứu (tháng 4/2006), chỉ có 2 trường trên cả nước có sinh viên y tế công cộng tốt nghiệp, đó là ĐHYHN và ĐHYD TPHCM. Cho tới nay chưa có nhiều nghiên cứu tương tự về vấn đề này tại Việt Nam, đồng thời tỷ lệ trả lời phiếu không cao (53,7%), vì thế không có nhiều thông tin để so sánh nên phần lớn những kết quả và bàn luận dưới đây chỉ dựa trên kết quả nghiên cứu và kinh nghiệm thực hiện chương trình cử nhân YTCC tại ĐHYHN.

3.1. Công việc của cử nhân y tế công cộng sau khi tốt nghiệp: cơ hội và thách thức

3.1.1. Công việc hiện tại

Trong số 80 phiếu trả lời, 66 người đã có công việc ổn định và có thể tìm được việc trong vòng 1 năm sau khi tốt nghiệp. Tỷ lệ cựu sinh viên đã tìm được công việc ổn định của trường ĐHYD TPHCM cao hơn hẳn so với ĐH YHN (93,3% so với 68,6%; $p < 0,05$). Phần lớn các cựu sinh viên của ĐHYD TPHCM hiện đang làm việc cho khối các cơ quan thuộc chính phủ (trên 95%), trong khi con số này ở ĐH YHN chỉ khoảng 55%. Có khoảng 1/3 cựu sinh viên của ĐH YHN hiện đang làm cho các tổ chức phi chính phủ. Tỷ lệ làm việc cho các công ty tư nhân đều thấp ở cả 2 trường.

Về lĩnh vực công tác, phần lớn cựu sinh viên của cả 2 trường hiện đang làm việc trong lĩnh vực y tế dự phòng (85,7% của ĐH YHN và 83,3% của ĐHYDTPHCM). Số còn lại (khoảng 15%) của cả 2 trường hiện đang làm việc trong lĩnh vực điều trị hoặc các cơ quan không thuộc ngành y tế.



Biểu đồ 1. Phân bố các lĩnh vực làm việc của các cựu sinh viên YTCC

Nhiệm vụ được thực hiện nhiều nhất là đào tạo tập huấn (trên 50%), tiếp theo là tham gia lập kế hoạch, quản lý các chương trình dự án, triển khai các chương trình y tế (khoảng 40%). Kết quả nghiên cứu định tính còn cho thấy nhiệm vụ cựu sinh viên YTCC hiện làm rất đa dạng, như tiến hành nghiên cứu, tập huấn, tham gia các chương trình truyền thông giáo dục sức khỏe, quản lý chương trình, trong đó có lập kế hoạch, theo dõi và đánh giá. Một số nhiệm vụ mà cựu sinh viên của ĐHYDTPHCM ít thực hiện hơn so với ĐHYHN, ví dụ tư vấn chính sách (17,1% và 41,7%), truyền thông giáo dục sức khỏe (34,1% và 54,2%), và tiến hành nghiên cứu (36,6% và 52,4%).

3.1.2. Khó khăn khi xin việc

Cả kết quả định tính và định lượng đều khẳng định cựu sinh viên không có kế hoạch chiến lược

cho việc chọn trường cũng như chọn việc. Nguyên nhân khách quan bao gồm sự nhận biết chưa đầy đủ về năng lực của các cử nhân YTCC không những từ cộng đồng mà còn chính từ những cán bộ y tế.

“Em đi xin việc rất khó khăn, đã gửi hơn 10 bộ hồ sơ mới có 1 công việc phù hợp. Thường họ chỉ biết đến những người học Y, em đi xin việc hầu hết mọi người đều từ chối vì họ cần bác sĩ đa khoa chứ không phải YTCC cái gì cũng biết nhưng không biết cái gì” [TLN, nam, Hà Nội].

Nguyên nhân chủ quan chính từ bản thân sinh viên do chưa đủ các kiến thức và kỹ năng để đảm đương công việc được giao, hoặc không đủ trình độ tiếng Anh.

“Khi mới ra trường mọi người hỏi YTCC làm gì và tại em cũng không biết mình làm gì. Khi xuống tuyển dưới mọi người nghĩ YTCC là ra ngoài đường làm” [TLN, nữ, Hà Nội].

3.1.3. Khó khăn trong công việc hiện tại

Bên cạnh những khó khăn khi tìm việc, cựu sinh viên gặp cũng không ít khó khăn trong quá trình làm việc. Theo họ, có nhiều nguyên nhân nhưng nguyên nhân chủ yếu là nhà quản lý không coi trọng cử nhân như bác sĩ, vì vậy, họ không tin và thậm chí ở một số cơ quan, cử nhân còn không được làm việc ở một số vị trí quản lý. Bên cạnh đó còn do chính cử nhân cũng không tin tưởng vào bằng cấp của mình. Bảng dưới đây trình bày về năm khó khăn lớn nhất mà các cựu sinh viên YTCC gặp phải.

Bảng 1. Năm khó khăn lớn nhất mà cựu sinh viên YTCC phải đối mặt

	Làm việc cho trường	Làm việc cho các cơ quan khác	Làm việc cho trường	Làm việc cho các cơ quan khác
1. Nghiên cứu				
Kỹ năng phân tích số liệu kém			X	X
Thiếu kỹ năng nghiên cứu định tính				
Thiếu kỹ năng viết báo cáo nghiên cứu khoa học			X	
2. Quản lý				
Thiếu kinh nghiệm quản lý chương trình / dự án		X		X
Thiếu kỹ năng viết báo cáo dự án			X	
Thiếu kinh nghiệm về các lĩnh vực y tế công cộng		X		
3. Kiến thức về y học lâm sàng				
Thiếu kiến thức / kỹ năng về lâm sàng		X		
Thiếu kiến thức về bệnh học và dược			X	
Khả năng tiếng Anh y tế công cộng còn yếu	X	X	X	X
4. Những khó khăn khách quan				
Thiếu kinh nghiệm làm việc	X			
Cơ chế thi tuyển lên bằng cấp cao hơn chưa rõ ràng	X			
Bằng cử nhân y tế công cộng là chưa đủ, cần có bằng cấp cao hơn	X			
Đồng nghiệp khác nhận thức chưa đúng về y tế công cộng		X		
Thu nhập thấp	X			X

Ngay chính các cựu sinh viên YTCC cũng cảm thấy họ chưa đủ khả năng đáp ứng những yêu cầu trong công việc hiện tại. Điểm yếu lớn nhất của họ là khả năng tiếng Anh chuyên ngành kém, điều này có thể do nhiều nguyên nhân. Có thể do chương trình đào tạo chưa cung cấp đủ kiến thức trong môn tiếng Anh (46,7% ở ĐHYD TP HCM và 80% ở ĐH YHN), ngoài ra khi làm trong lĩnh vực YTCC nếu không có tiếng Anh thì khó có thể làm việc và cập nhật kiến thức và có thể do ngay chính các sinh viên YTCC cũng không đặt ưu tiên cho việc học tiếng Anh và không được khuyến khích học tiếng Anh trong những năm học ở trường đại học.

3. 2. Nhận định chung của cựu sinh viên về chương trình đào tạo cử nhân YTCC

Nhận xét chung về cấu trúc chương trình, mức độ cân đối giữa các môn học, mức độ đáp ứng với công việc hiện tại, cho thấy đánh giá của các cựu sinh viên của ĐH YHN khá quan hơn ĐHYD TPHCM ở tất cả các nội dung. Về công tác hậu cần, mức độ hài lòng của các cựu sinh viên ĐHYHN tương đối cao và cao hơn hẳn so với ĐHYD TPHCM, trong đó có 2 nội dung có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê, đó là điều kiện giảng đường và ký túc xá tốt hơn. Nhận định về giảng viên, nhìn chung đánh giá của cựu sinh viên của cả 2 trường là tốt với cả giảng viên chính thức của trường và giảng viên mời giảng.

3. Nhận định của cựu học viên về kiến thức và kỹ năng y tế công cộng

Nghiên cứu đã liệt kê tất cả các môn học trong chương trình cử nhân YTCC và chia thành 8 lĩnh vực chính, bao gồm: các môn y học cơ sở, các môn khoa học cơ bản, các môn phương pháp nghiên cứu, các môn thuộc lĩnh vực khoa học môi trường, các môn quản lý, các môn thuộc lĩnh vực khoa học hành vi nâng cao sức khỏe, các môn thuộc chuyên ngành y tế công cộng và cấu phần thực địa cộng đồng.

Kết quả cho thấy, nhóm các môn y học cơ sở có 10 môn học thì có tới 4 môn cựu sinh viên của cả 2 trường cho rằng lượng kiến thức cung cấp chưa đủ hoặc thậm chí không được cung cấp (40 đến 55%, thậm chí 77,8%), đó là môn bệnh thông thường trong cộng đồng, dược lý và độc chất, triệu chứng và bệnh học, phát hiện và xử trí ban đầu một số cấp cứu thông thường. Trong bối cảnh hiện tại, cử nhân YTCC có thể làm việc ở tất cả các tuyến khác nhau

của hệ thống y tế, vì vậy các kiến thức về y học cơ sở là tương đối quan trọng để giúp họ xử trí những tình huống thường gặp tại cộng đồng.

Các môn khoa học cơ bản là công cụ giúp cho cử nhân YTCC rất nhiều trong công việc. Kết quả cho thấy, 46,7% cựu sinh viên ĐHYD TPHCM và 80% cựu sinh viên của ĐH YHN cho rằng lượng tiếng Anh được học trong trường là chưa đủ ($p < 0,05$). Tương tự, với môn tin học cơ bản, hơn 1 nửa cựu sinh viên của cả 2 trường cho rằng họ được học chưa đủ (62,2% ở ĐHYD TPHCM và 54,3% ở ĐH YHN). Cấu phần các môn phương pháp nghiên cứu cho thấy, nhận định chung của các học viên ở cả 2 trường là lượng kiến thức cung cấp tương đối phù hợp.

Nhóm môn học môi trường và nghề nghiệp là nhóm môn học có tỷ lệ cựu sinh viên đánh giá là lượng kiến thức cung cấp chưa đủ chiếm tỷ lệ cao ở cả hai trường. Trong nhóm môn này có 2 trong số 3 môn có tỷ lệ kiến thức cung cấp ở mức độ phù hợp đạt dưới 70% đó là sức khỏe môi trường và quản lý thảm họa và khoa học môi trường và sinh thái học. Đây là kết quả đáng quan tâm vì nhóm môn học này được xem là một trong những nhóm môn học chính của chuyên ngành YTCC.

Tương tự với nhóm môn thuộc khoa học quản lý, có 2 môn học cũng được đánh giá là lượng kiến thức cung cấp chưa đủ chiếm tỷ lệ khá cao, đặc biệt là môn kinh tế y tế có 1/2 số sinh viên ở ĐHYD TPHCM và 1/3 số sinh viên ở ĐHYHN thấy cần bổ sung thêm kiến thức cho môn học này.

Nhóm các môn về khoa học hành vi và nâng cao sức khỏe cũng bao gồm 2 môn học, có tỷ lệ đánh giá về lượng kiến thức phù hợp không mấy khả quan (khoảng 60% ở cả 2 trường).

Nhóm môn học chuyên ngành bao gồm một loạt các môn học hỗ trợ các kiến thức chuyên môn YTCC. Hầu hết các môn của nhóm này có kết quả tương tự ở cả 2 trường, lượng kiến thức ở mức độ phù hợp chưa cao (khoảng 70%). Đặc biệt trong quá trình thảo luận nhóm có 2 môn dịch tễ học các bệnh truyền nhiễm và không truyền nhiễm được các cựu sinh viên đề nghị được tăng cường kiến thức, nghiên cứu định lượng cũng cho kết quả tương tự, gần 1/2 sinh viên ĐHY HN và 1/3 sinh viên ở ĐHYD TPHCM thấy rằng cần cung cấp thêm kiến thức ở lĩnh vực này.

Về cấu phần đào tạo thực địa, kết quả nghiên

cứu cho thấy cấu phần này được đánh giá là chưa đáp ứng được nhu cầu của sinh viên của cả 2 trường, đặc biệt là tại trường ĐHYDTPHCM (tỷ lệ cựu sinh viên cho rằng thực địa chưa đủ hoặc chưa thực hiện là 55,5% cho thực địa I, 84,4% cho thực địa II và 82,2% cho thực địa III) và sự khác biệt giữa hai trường có ý nghĩa thống kê ($p < 0,05$). Công việc của cựu sinh viên cử nhân y tế công cộng gắn chặt với những gì xảy ra trong thực tế. Họ nói rằng có quá nhiều lý thuyết trong chương trình học, sự bất hợp lý này có thể góp phần khiến các cựu sinh viên chưa đủ năng lực trong công việc hiện tại.

3.4. Thực hành năng lực Y tế Công cộng

Đối với chuyên ngành YTCC, có nhiều hệ thống đánh giá năng lực khác nhau, nghiên cứu này sử dụng hệ thống của SEAPHEIN 2,3,4 (là hệ thống của các trường đại học y tế công cộng của Châu Á - Thái Bình Dương) để tìm hiểu mức độ sử dụng và sự tự tin khi sử dụng những năng lực này. Tổng số có 34 năng lực được liệt kê theo 4 nhóm chính: nhóm năng lực về quản lý, nhóm năng lực đào tạo /tập huấn, nhóm năng lực về nghiên cứu đánh giá và nhóm năng lực về lãnh đạo.

Bảng 2. Nhóm các năng lực về quản lý y tế công cộng

Nhóm các năng lực về quản lý y tế công cộng	Mức độ sử dụng trong công việc hiện tại (%)			Mức độ tự tin khi sử dụng (%)		
	Hoàn toàn không sử dụng	Thỉnh thoảng	Thường xuyên sử dụng	Không tự tin	Ít tự tin	Tự tin
1. Mô tả được các cấu trúc của hệ thống y tế và những nhân tố làm thay đổi hệ thống (n=78/48)	38,5	53,8	7,7	0,0	62,5	37,5
2. Xác định được phạm vi, vai trò và chức năng của y tế công cộng liên quan đến hệ thống y tế, các ngành và tổ chức xã hội khác (n=78/61).	21,8	52,6	25,6	1,6	39,3	59,1
3. Đánh giá hệ thống CSSK nhằm hoạch định chính sách liên quan đến dịch vụ phòng và điều trị bệnh (n=78/40)	48,7	35,9	15,4	2,5	50,0	47,5
4. Theo dõi các vấn đề sức khỏe /dịch bệnh ở một cộng đồng (n=78/52).	33,3	33,3	33,4	1,9	25,0	73,1
5. Lập kế hoạch và quản lý các chương trình y tế (n=78/62).	20,5	42,3	37,2	3,2	27,5	69,3
6. Quản lý các chương trình dịch vụ y tế; Tăng cường khả năng tiếp cận dịch vụ y tế, giảm bất bình đẳng trong CSSK (n=78/47)	39,7	39,7	20,6	0,0	46,8	53,2
7. Xây dựng các chỉ số và công cụ để theo dõi sức khỏe ở một cộng đồng (n=78/47).	39,7	37,2	23,1	4,3	17,0	78,7
8. Xây dựng mô hình can thiệp một vấn đề sức khỏe cộng đồng (n=78/56)	28,2	48,7	23,1	1,8	33,9	64,3
9. Tham mưu xây dựng các chính sách và kế hoạch YTCC.	56,4	38,5	5,1	2,9	50,0	47,1
10. Đánh giá, cập nhật và phát triển các qui định về YTCC	56,4	38,5	5,1	2,9	44,1	53,0

Bảng 3. Nhóm các năng lực về đào tạo /tập huấn

Nhóm các năng lực về đào tạo /tập huấn	Mức độ sử dụng trong công việc hiện tại (%)			Mức độ tự tin khi sử dụng (%)		
	Hoàn toàn không sử dụng	Thỉnh thoảng	Thường xuyên sử dụng	Không tự tin	Ít tự tin	Tự tin
11. Đánh giá nguồn nhân lực y tế	41,0	44,9	14,1	8,7	34,8	56,5
12. Xây dựng kế hoạch, chiến lược đào tạo cho nhân viên YT	42,3	37,2	20,5	0,0	33,3	66,7
13. Đào tạo, tập huấn cán bộ về YTCC	37,2	46,2	16,6	6,1	24,5	69,4
14. Theo dõi và đánh giá được một chương trình đào tạo	35,9	43,6	20,5	2,0	30,0	68,0

Bảng 4. Nhóm các năng lực về nghiên cứu /đánh giá

Nhóm các năng lực về nghiên cứu /đánh giá	Mức độ sử dụng trong công việc hiện tại (%)			Mức độ tự tin khi sử dụng (%)		
	Hoàn toàn không sử dụng	Thỉnh thoảng	Thường xuyên sử dụng	Không tự tin	Ít tự tin	Tự tin
15. Thu thập được các thông tin y tế ở một cộng đồng.	11,5	38,5	50,0	1,4	11,6	87,0
16. Đánh giá và phân tích được tình hình sức khỏe ở một cộng đồng.	19,2	53,8	27,0	0,0	23,8	76,2
17. Xác định được nguồn lực đầy đủ cho một nghiên cứu	28,2	48,7	23,1	1,8	28,6	69,6
18. Tổ chức được một nghiên cứu tại một cộng đồng.	26,9	52,6	20,5	1,8	22,8	75,4
19. Xây dựng một đề cương nghiên cứu y tế công cộng.	24,4	56,4	19,2	0,0	16,9	83,1
20. Thu thập thông tin, số liệu của một nghiên cứu trên thực địa	10,3	51,3	38,4	0,0	14,3	85,7
21. Sử dụng công nghệ thông tin hỗ trợ hiệu quả cho phân tích, truyền thông số liệu.	12,8	55,1	32,1	0,0	19,1	80,9
22. Áp dụng các phương pháp định tính /thống kê vào thực hành y tế công cộng.	21,8	48,7	29,5	1,6	24,6	73,8
23. Viết được một báo cáo khoa học	21,8	55,1	23,1	0,0	19,7	80,3
24. Thu thập được các thông tin y tế ở một cộng đồng.	57,7	30,8	11,5	0,0	33,3	66,7
25. Đánh giá và phân tích được tình hình sức khỏe ở một cộng đồng.	3,8	12,8	83,4	1,3	6,7	92,0
26. Xác định được nguồn lực đầy đủ cho một nghiên cứu	19,2	57,7	23,1	4,8	55,6	39,6

4. Bàn luận

Mặc dù y tế công cộng khá phát triển ở nhiều nước trên thế giới, nhưng ở Việt Nam, người ta vẫn coi đây là một ngành còn mới mẻ. Số người hiểu biết về ngành này không nhiều nên trong suy nghĩ của họ, cử nhân YTCC có khả năng khám chữa bệnh. Họ cũng coi địa vị của cử nhân không thể bằng bác sĩ. Điều này có thể dẫn đến việc cử nhân YTCC bị cơ quan sắp xếp những nhiệm vụ không phù hợp và một vài người trong số họ phải nhận mức

Bảng 5. Nhóm các năng lực về lãnh đạo

	Nhóm các năng lực về lãnh đạo	Mức độ sử dụng trong công việc hiện tại (%)			Mức độ tự tin khi sử dụng (%)		
		Hoàn toàn không sử dụng	Thỉnh thoảng	Thường xuyên sử dụng	Không tự tin	Ít tự tin	Tự tin
27	Giao tiếp, vận động sự tham gia của cộng đồng trong các hoạt động bảo vệ sức khỏe	19,2	48,7	32,1	0,0	25,4	74,6
28	Tiến hành các hoạt động truyền thông về các vấn đề sức khỏe cho cộng đồng.	19,2	48,7	32,1	0,0	19,0	81,0
29	Giao tiếp hiệu quả với cộng đồng (bằng viết và nói) trong những bối cảnh khác nhau.	12,8	47,4	39,8	0,0	17,6	82,4
30	Thuyết phục và vận động các cấp lãnh đạo hỗ trợ cho các vấn đề sức khỏe của cộng đồng.	34,6	50,0	15,4	2,0	43,1	54,9
31	Phối hợp liên ngành để giải quyết có hiệu quả các vấn đề sức khỏe cộng đồng.	37,2	44,9	17,9	0,0	44,9	55,1
32	Hướng dẫn làm việc nhóm hiệu quả	16,7	50,0	33,3	0,0	18,5	81,5
33	Áp dụng các phương pháp phân tích, giải quyết vấn đề để đưa ra quyết định.	21,8	53,8	24,4	0,0	32,8	67,2
34	Làm việc hiệu quả trong những môi trường văn hoá khác nhau.	24,4	52,6	23,0	1,7	22,0	76,3

lượng thấp hơn. Nguyên nhân này có thể do thiếu sự công nhận một cách chính thức trong quy chế / quy trình tuyển dụng nhân lực của Bộ Nội vụ (phải đến năm 2005, ĐH YTCC mới được công nhận chính thức ngạch YTCC cho khóa cử nhân YTCC đầu tiên) và còn có ít thông tin về cử nhân YTCC trên phương tiện thông tin đại chúng cũng như các kênh trong nội bộ ngành y tế.

Kết quả nghiên cứu của chúng tôi tương tự với kết quả nghiên cứu của Trương Phi Hùng và cộng sự, năm 2003¹.

Kết quả cho thấy có sự nhất quán giữa mức độ thường xuyên sử dụng với mức độ tự tin khi thực hiện các năng lực nghiên cứu /đánh giá. Năng lực thường xuyên được sử dụng nhất đồng thời cũng là năng lực mà cử sinh viên cảm thấy tự tin nhất khi sử dụng là sử dụng các kỹ năng tin học vào công việc (83,4% và 92,0%). Tiếp theo là thu thập các thông tin y tế tại cộng đồng (50% và 87%) và thu thập số liệu nghiên cứu trên thực địa (38,4% và 85,7%).

Trong năng lực lãnh đạo, tỷ lệ cử sinh viên thấy tự tin khi sử dụng cao nhất là giao tiếp hiệu quả với cộng đồng (bằng viết và nói) trong những bối cảnh khác nhau (82,4%), tiếp theo là điều hành nhóm hiệu quả (81,5%) và thứ ba là tiến hành các hoạt động truyền thông về các vấn đề sức khỏe cho

cộng đồng (81%). Các năng lực này chủ yếu liên quan đến truyền thông.

Có thể nói rằng vì đây là những khóa sinh viên mới tốt nghiệp nên thời gian công tác chưa đủ để áp dụng các năng lực YTCC. Họ cũng không được làm việc ở nhiều vị trí thuộc nhiều lĩnh vực khác nhau nên họ có thể chưa nhận thấy được tầm quan trọng của các môn học khác trong chương trình. Hơn thế nữa, việc áp dụng các kỹ năng /năng lực này và việc nhận biết về tầm quan trọng của các môn học cũng phụ thuộc vào công việc và vị trí công tác của những người làm YTCC.

Nghiên cứu cử sinh viên cử nhân YTCC đã tốt nghiệp chưa từng được tiến hành tại Việt Nam. Hạn chế lớn nhất của đề tài là chỉ có khoảng một nửa số cử sinh viên của hai trường trả lời phiếu hỏi nên có thể làm ảnh hưởng tới tính đại diện của các kết quả thu được. Hạn chế về sai số nhớ lại cũng là một phần khó khắc phục của đề tài. Để khắc phục, nhóm nghiên cứu đã cố gắng chỉnh sửa nhiều lần bộ công cụ, thông qua các cuộc phỏng vấn sâu và thử nghiệm trước khi triển khai chính thức. Những kết quả đánh giá sự hài lòng có khác nhau ở hai trường, một phần cũng có thể do sự khác biệt về tính cách giữa hai miền Nam, Bắc khi trả lời các câu hỏi về nơi mình đã học tập. Rất có thể nhóm cử sinh viên ở phía Nam đã nói thẳng thắn hơn, việc này nghiên cứu không kiểm soát được. Ngoài ra, việc đánh giá các vấn đề về chất lượng đào tạo của cả một chương trình đòi hỏi nhiều góc nhìn khác nhau, từ phía người sử dụng lao động (ở đây là lãnh đạo của các cơ quan có các cử nhân YTCC làm việc) và từ phía bản thân người học. Tuy nhiên nghiên cứu này mới chỉ dừng lại ở mức độ đánh giá chương trình đào tạo dựa trên quan điểm của cử sinh viên. Chính vì vậy, đây chỉ là những kết quả ban đầu về chương trình đào tạo YTCC, các đồng nghiệp cần cân nhắc khi ứng dụng những kết quả này cho việc rút kinh nghiệm và nâng cao chất lượng đào tạo YTCC.

Chúng tôi cho rằng để nâng cao chất lượng của chương trình đào tạo, chương trình đào tạo cử nhân YTCC tại hai trường ĐH Y HN và ĐH YD TP HCM cần được rà soát và chỉnh sửa dựa trên năng lực cử nhân YTCC, đảm bảo tính cân đối giữa các môn học, giữa lý thuyết với thực hành và cung cấp kiến thức cập nhật hơn, phù hợp với yêu cầu thực tế công việc hơn. Bên cạnh đó chương trình đào tạo cần đáp ứng yêu cầu của các cán bộ YTCC làm việc trong các môi trường và vị trí khác nhau bằng cách thiết

kế theo những hướng khác nhau, như hướng nghiên cứu, hướng quản lý. Có thể cung cấp những hình thức đào tạo này cho sinh viên theo một khung chương trình có cấu trúc linh hoạt với các môn tự chọn phong phú.

Để chương trình cử nhân YTCC và các cử nhân YTCC được nhìn nhận đúng đắn hơn và được công nhận rộng rãi hơn, cần thực hiện chương trình hướng

nghiệp cho học sinh và sinh viên ở trường trung học và đại học để sinh viên có chọn lựa đúng đắn khi quyết định thi tuyển vào trường, đồng thời có cân nhắc khả năng sở thích khi đi tìm việc sau khi tốt nghiệp. Cần thực hiện tiếp thị xã hội về chương trình cử nhân YTCC cho công chúng và các nhà quản lý, tuyển dụng để từ đó có cách hiểu và cách nhìn rõ ràng hơn về khả năng của cử nhân YTCC.

Tác giả

1. Nguyễn Thanh Hà - Thạc sĩ Y tế công cộng, bác sĩ - Giảng viên BM. Dinh dưỡng - VSATTP, cán bộ Phòng Đào tạo sau Đại học - Trường Đại học Y tế công cộng 138 Giảng Võ- Hà Nội. Email: nth1@hsph.edu.vn
2. Bùi Thị Tú Quyên - Thạc sĩ Y tế công cộng, bác sĩ - Giảng viên BM. Thống kê Trường Đại học Y tế công cộng 138 Giảng Võ- Hà Nội. Email: btq@hsph.edu.vn.
3. Bùi Thị Thanh Mai - Thạc sĩ, bác sĩ - Giảng viên BM. Quản lý Hệ thống Y tế, cán bộ Phòng Đào tạo sau Đại học - Trường Đại học Y tế công cộng 138 Giảng Võ- Hà Nội. Email: btm@hsph.edu.vn.

4. Lê Cự Linh - Tiến sĩ khoa học, bác sĩ, Trưởng Bộ môn Dân số, Trưởng phòng Đào tạo Sau Đại học, Trường Đại học Y tế công cộng 138 Giảng Võ - Hà Nội. Email: lcl@hsph.edu.vn.

Tài liệu tham khảo:

1. Trương Phi Hùng, Trương Công Hòa và cs (2005). Sự hài lòng của học viên về hoạt động dạy và học tại Khoa Y tế Công cộng, Đại học Y Dược Thành Phố Hồ Chí Minh, năm 2003. Tạp chí Y Học TP. Hồ Chí Minh, tập 9, phụ bản số 1, 2005.